

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 206/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2024

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phạm Tuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Thế Cần

- Ông Trang Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 856/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 232/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07/6/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn ÔX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1969;
Địa chỉ thường trú: 366/77A, khu phố 3, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN;
Chỗ ở hiện nay: 100AH5 Tổ 13, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các lời khai, tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nguyên đơn bà Trần Thị Hưng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Trần Thị H) và ông Phạm Xuân H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TM, tỉnh HD và được UBND xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01 ngày 25/4/2006.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có được 02 con chung. Nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không

còn hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, không tìm được tiếng nói chung. Năm 2018, ông H1 vào trong tỉnh Đồng Nai để làm ăn, cải thiện cuộc sống, kinh tế gia đình. Ông H1 ít khi liên lạc về và quan tâm vợ con ở nhà. Tôi đã nhiều lần liên lạc điện thoại khuyên nhủ ông H1 về quê để đoàn tụ gia đình nhưng ông H1 vẫn kiên quyết không về và chủ động cắt đứt liên lạc với tôi, tôi vào tỉnh Đồng Nai nhiều lần gặp ông H1 để hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng không thành. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2018 cho đến nay mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc nhau, không còn sống chung đời sống vợ chồng, quan hệ vợ chồng, ly thân tôi sống ở huyện BG, tỉnh HD, ông H1 sống ở thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai giải quyết cho tôi (H) được ly hôn với ông Phạm Xuân H1.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, tôi (H) và ông Phạm Xuân H1 có 02 con chung tên Phạm Trần Anh Q, sinh ngày 06/6/2007 và Phạm Tiến K, sinh ngày 05/10/2009. Khi ly hôn, tôi đồng ý giao 02 con chung Phạm Trần Anh Q và Phạm Tiến K cho ông H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời tôi (H) không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Phạm Xuân H1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Tòa án xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng.

+ Về tư cách đương sự: Tòa án xác định tư cách đương sự trong vụ án là đúng.

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình đúng thẩm quyền.

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Đảm bảo đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo quy định pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn ông Phạm Xuân H1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Xuân H1.

+ Về con chung: Đề nghị HĐXX giao 02 cháu Phạm Trần Anh Q, sinh ngày 06/6/2007 và Phạm Tiến K, sinh ngày 05/10/2009 cho ông Phạm Xuân H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Phạm Xuân H1 vắng mặt không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa ý kiến về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1969; Địa chỉ thường trú: 366/77A, khu phố 3, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN; Chỗ ở hiện nay: 100AH5 Tổ 13, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa đề ngày 17/5/2024, xét đơn của bà H làm hợp lệ nên chấp nhận. Bị đơn ông Phạm Xuân H1 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị H và ông Phạm Xuân H1 tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐT, huyện TM, tỉnh HD và được UBND xã ĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyền số 01 ngày 25/4/2006. Căn cứ vào các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, hôn nhân giữa bà H và ông H1 được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ, bà H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Phạm Xuân H1 do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được như trình bày trên.

Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 20/5/2024 tại UBND xã CB, huyện BG, tỉnh HD có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Từ năm 2006 đến năm 2018, UBND xã CB không nắm được mâu thuẫn vợ chồng Trần Thị H và Phạm Xuân H1

do bà H và ông H1 không có đơn khởi kiện yêu cầu UBND xã CB, huyện BG, tỉnh HD giải quyết mâu thuẫn vợ chồng”. Theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 11/3/2024 tại UBND phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN tại hồ sơ có ghi nhận nội dung: “Giữa bà Trần Thị H, sinh năm 1985 và ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1969 tại địa chỉ: 366/77A, khu phố 3, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không địa phương không nắm rõ do không nhận được trình báo cũng như liên hệ để giải quyết”. Theo Biên bản xác minh tại Công an phường TH, thành phố BH ngày 11/3/2024 (Bút lục số 55) có tại hồ sơ ghi nhận nội dung: “Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1969 có đăng ký thường trú tại địa: 366/77A, khu phố 3, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN nhưng hiện không sinh sống tại địa phương”. Theo Biên bản xác minh tại Công an phường TH, thành phố BH ngày 04/12/2024 (Bút lục số 54) tại hồ sơ có ghi nhận nội dung: “Ông Phạm Xuân H1, sinh năm 1969 hiện đang cư trú và sinh sống tại địa chỉ: 100AH5 Tổ 13, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN”. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông H1 đến trụ sở làm việc, tổ chức phiên họp hòa giải để bà H và ông H1 đoàn tụ gia đình nhưng ông H1 đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Tòa án lập biên bản không tiến hành làm việc, hòa giải đoàn tụ được. Việc ông H1 không đến Tòa án cung cấp chứng cứ chứng minh là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật. Qua xem xét đơn khởi kiện, trình bày của nguyên đơn và chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 là có thật, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không còn đạt được theo như bà H trình bày trên nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét xử cho bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Xuân H1.

- Về con chung:

Các lời khai, chứng cứ có tại hồ sơ, bà H1 yêu cầu HĐXX giải quyết giao 02 con chung của bà và ông Hồng tên Phạm Trần Anh Q, sinh ngày 06/6/2007 và Phạm Tiến K, sinh ngày 05/10/2009 cho ông Phạm Xuân H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông Phạm Xuân H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa. Tuy nhiên, 02 cháu K và Q hiện đang chung sống với ông Phạm Xuân H1 tại địa chỉ: 100AH5 Tổ 13, khu phố 4, phường TH, thành phố BH, tỉnh ĐN. Ông H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu K và Q, cháu K đang theo học Lớp 9, Trường THCS Lê Quang Định, thành phố BH, cháu Q đang theo học Lớp 11, Trường THPT TB thành phố BH. Theo bản tự khai có tại hồ sơ, nguyện vọng của các cháu Q và K sau khi ba mẹ ly hôn được sống chung với ba Phạm Xuân H1, ý chí của các cháu là tự nguyện nên ghi nhận. Đồng thời, bà H cũng đồng ý giao các cháu Q và K cho ông H chăm sóc, nuôi dưỡng nên ghi nhận. Như đã phân tích trên, HĐXX xét thấy có cơ sở giao các cháu Q và K cho ông H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Phạm Xuân H1 về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

[3]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Phạm Xuân H1.

- Về con chung: Giao 02 cháu Phạm Trần Anh Q, sinh ngày 06/6/2007 và Phạm Tiến K, sinh ngày 05/10/2009 cho ông Phạm Xuân H1 chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời bà Trần Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết vì quyền và lợi ích hợp pháp của con, các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Trần Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Phạm Xuân H1 về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

- Về nợ chung: Nguyên đơn bà Trần Thị H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có ý kiến của bị đơn ông Phạm Xuân H1 về nội dung này nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0007131 ngày 04/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà Hưng đã nộp đủ án phí.

3. Về kháng cáo: Bà Trần Thị H và ông Phạm Xuân H1 đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã ĐT, H. TM,
tỉnh HD (Giấy chứng nhận kết hôn
số 27, quyển số 01 ngày 25/4/2006);
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Nguyễn Phạm Tuấn